



**Công ty TNHH Quản lý Quỹ
Eastspring Investments**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022**



Công Ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thông tin chung

	Trang
Thông tin về Công ty	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 36



Công Ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp số 303827455 ngày 12 tháng 12 năm 2022

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh Doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 303827455 ngày 12 tháng 12 năm 2022. Giấy phép Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy phép Thành lập và Hoạt động Quản lý Quỹ số

03/UBCK-GPHĐQLQ	ngày 26 tháng 5 năm 2005
17/UBCK-GP	ngày 23 tháng 7 năm 2008
27/UBCK-GPĐC	ngày 20 tháng 11 năm 2008
67/UBCK-GPĐC	ngày 15 tháng 4 năm 2010
25/GPĐC-UBCK	ngày 9 tháng 12 năm 2011
51/GP-UBCK	ngày 23 tháng 3 năm 2012
08/GPĐC-UBCK	ngày 26 tháng 3 năm 2013
29/GPĐC-UBCK	ngày 12 tháng 9 năm 2013
63/GPĐC-UBCK	ngày 10 tháng 8 năm 2018
106/GPDC-UBCK	ngày 3 tháng 11 năm 2022

Giấy phép Kinh doanh số 51/GP-UBCK ngày 23 tháng 3 năm 2012

Giấy Giấy phép Thành lập và Hoạt động Quản lý Quỹ do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Vào ngày 23 tháng 3 năm 2012, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty được thực hiện nghiệp vụ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán theo Giấy phép Kinh doanh số 51/GP-UBCK. Ngày 26 tháng 3 năm 2013, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Giấy phép điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK cho phép bổ sung thêm dịch vụ tư vấn chứng khoán vào các giấy phép hiện hành của Công ty.

Theo Điều lệ Công ty, thời gian hoạt động của Công ty nhất quán với thời gian hoạt động của công ty mẹ, là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam. Giấy phép đầu tư của công ty mẹ có hiệu lực đến ngày 29 tháng 10 năm 2049.

Hội đồng Thành viên

Wendy Lim	Chủ tịch (từ ngày 21 tháng 3 năm 2022)
Xavier Bernard Maurice Meyer	Chủ tịch (đến ngày 21 tháng 3 năm 2022)
Ngô Thế Triệu	Thành viên
Phương Tiến Minh	Thành viên

Ban Giám đốc Ngô Thế Triệu Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký Tòa nhà Saigon Trade Center
37 Tôn Đức Thắng, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công Ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 36 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.



Ngô Thế Triệu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2023



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi Chủ đầu tư
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 24 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 36.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



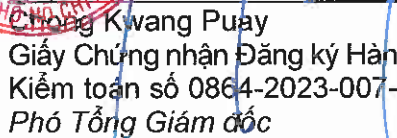
Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số.: 22-01-00300-23-1




Ông Kwang Puay
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0864-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Phạm Huy Cường
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2019-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2023

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B01 - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND'000	31/12/2021 VND'000
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		383.489.705	262.015.371
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	75.982.967	41.886.346
Tiền	111		10.982.967	6.886.346
Các khoản tương đương tiền	112		65.000.000	35.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	240.000.000	155.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		240.000.000	155.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		65.326.027	62.777.023
Phải thu hoạt động nghiệp vụ quản lý quỹ	134	6(a)	59.750.342	61.596.644
Phải thu khác	135	6(b)	5.605.685	1.210.379
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(30.000)	(30.000)
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.180.711	2.352.002
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.180.711	2.352.002
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)	200		6.866.003	4.868.833
Tài sản cố định	220		1.435.877	262.823
Tài sản cố định hữu hình	221	7	1.435.877	262.823
Nguyên giá	222		6.015.392	5.256.289
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.579.515)	(4.993.466)
Tài sản cố định vô hình	227	8	-	-
Nguyên giá	228		131.501	982.797
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(131.501)	(982.797)
Tài sản dài hạn khác	260		5.430.126	4.606.010
Chi phí trả trước dài hạn	261		495.997	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	9	3.695.773	3.424.445
Tài sản dài hạn khác	268	10	1.238.356	1.181.565
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		390.355.708	266.884.204

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B01 - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND'000	31/12/2021 VND'000
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		63.749.663	62.321.874
Nợ ngắn hạn	310		58.663.153	57.221.314
Phải trả người bán	312		358.859	29.571
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	7.638.486	8.305.670
Chi phí phải trả	316	12	37.910.593	36.144.900
Phải trả ngắn hạn khác	319	13	12.755.215	12.741.173
Nợ dài hạn	330		5.086.510	5.100.560
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	14	1.294.074	1.249.363
Dự phòng phải trả dài hạn	337	15	3.792.436	3.851.197
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		326.606.045	204.562.330
Vốn góp	411	16	25.000.000	25.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.500.000	2.500.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.500.000	2.500.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		296.606.045	174.562.330
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	420a		174.562.330	62.294.191
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	420b		122.043.715	112.268.139
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		390.355.708	266.884.204

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B01 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND'000	31/12/2021 VND'000
Ngoại tệ (USD)	005	24	6.065.59	3.172.75
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	17	4.085.809.971	8.617.673.842
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	18	137.264.645.767	117.027.131.410
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	19	4.058.834.352	4.537.647.537

Ngày 24 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Lê Minh Thủy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ngô Thế Triệu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B02 - CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND'000	2021 VND'000
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	10	20	253.144.036	241.792.991
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	8.818.419	2.970.929
Chi phí tài chính	22		896.730	37.024
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22	108.031.551	103.806.387
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 10 + 21 - 22 - 25)	30		153.034.174	140.920.509
Thu nhập khác	31		30.483	4.408
Lợi nhuận từ hoạt động khác (40 = 31)	40		30.483	4.408
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		153.064.657	140.924.917
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	31.292.270	28.258.360
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	23	(271.328)	398.418
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		122.043.715	112.268.139

Ngày 24 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Lê Minh Thủy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ngô Thế Triệu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B03 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2022 VND'000	2021 VND'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu từ hoạt động quản lý quỹ	01	253.581.825	235.276.826
Tiền chi trả cho cán bộ công nhân viên	03	(53.190.504)	(41.659.239)
Tiền chi trả thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(32.333.546)	(25.444.082)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	-	4.408
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(53.185.284)	(46.434.478)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	114.872.491	121.743.435
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Chi mua tài sản cố định	21	(1.621.693)	(160.060)
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	30.483	-
Gửi tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng	23	(435.000.000)	(220.000.000)
Thu tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng	24	350.000.000	85.000.000
Thu lãi tiền gửi	27	5.815.340	1.605.973
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(80.775.870)	(133.554.087)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền chi phân phối lợi nhuận	36	-	(200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30)	50	34.096.621	(211.810.652)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	41.886.346	253.696.998
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)	70	75.982.967	41.886.346

Ngày 24 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Lê Minh Thủy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ngô Thê Triệu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B05 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

	Vốn góp VND'000	Quỹ dự phòng tài chính VND'000	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND'000	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND'000	Tổng VND'000
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	25.000.000	2.500.000	2.500.000	262.294.191	292.294.191
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	112.268.139	112.268.139
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
Ngày 1 tháng 1 năm 2022	25.000.000	2.500.000	2.500.000	174.562.330	204.562.330
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	122.043.715	122.043.715
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	25.000.000	2.500.000	2.500.000	296.606.045	326.606.045

Ngày 24 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Lê Minh Thủy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ngô Thế Triệu
Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B09 - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn được cấp phép và thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty bao gồm thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Quản lý Quỹ và các giấy phép điều chỉnh.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Quản lý Quỹ là 25 tỷ Đồng Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 24 nhân viên (31/12/2021: 23 nhân viên) trong đó có một (1) nhân viên quản lý cấp cao và 8 nhân viên đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và tài sản.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC (“Thông tư 125”) ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chuẩn mực này và các quy định pháp lý có liên quan có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được chấp nhận chung ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, thay đổi vốn chủ sở hữu và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận chung ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty quản lý quỹ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

(b) Cơ sở đo lường

Các báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích sử dụng nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính, được làm tròn đến nghìn đồng gần nhất (“VND’000”).

(e) Thay đổi chính sách kế toán

Từ ngày 1 tháng 2 năm 2022, Công ty áp dụng phi hồi tố Thông tư số 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 (“Thông tư 114”) do Bộ Tài chính ban hành, bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 (“Thông tư 146”) của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính áp dụng đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ.

Những thay đổi trong chính sách kế toán của Công ty do việc áp dụng Thông tư 114 và ảnh hưởng của nó đến báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, nếu có, được trình bày tại Thuyết minh 3(l) của báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng có thời hạn trên ba tháng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ quản lý quỹ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- chi phí nâng cấp 3 năm
- thiết bị văn phòng 3 – 4 năm

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm máy vi tính này không phải là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 năm.

(g) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc.

(h) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì Công ty phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(i) Các khoản thưởng dài hạn cho nhân viên

Các khoản thưởng dài hạn cho nhân viên bao gồm khoản thưởng bằng tiền cho nhân viên mà Công ty có nghĩa vụ chi trả trong vòng ba năm. Khoản thưởng này được ghi nhận là khoản chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, tương ứng với khoản tăng nợ phải trả, trong khoảng thời gian mà nhân viên được hưởng các khoản thưởng này (“kỳ được nhận thưởng”). Khoản chi phí ghi nhận được điều chỉnh hàng năm bằng cách tham chiếu với lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Eastspring Investments trên toàn Châu Á trong kỳ được nhận thưởng.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

(j) Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư

Công ty nhận tiền từ khách hàng và sử dụng số tiền này để đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng quản lý danh mục đầu tư. Khoản đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo hợp đồng quản lý danh mục đầu tư và các tài sản và nợ phải trả liên quan đến các hợp đồng này được ghi nhận trong mục các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành.

(k) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(l) Các quỹ dự trữ

Trước ngày 1 tháng 2 năm 2022

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài Chính ban hành về hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ, Công ty phải trích lập các quỹ sau:

	Số trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức bảo hiểm hoặc cá nhân gây ra tổn thất.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu là quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích từ lợi nhuận sau thuế hàng năm để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Công ty không được sử dụng quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ để phân phối lợi nhuận.

Từ ngày 1 tháng 2 năm 2022

Theo Thông tư 114:

- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã được trích lập theo quy định tại Thông tư 146 được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các quy định có liên quan khác.
- Số dư quỹ dự phòng tài chính có thể dùng bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Hội đồng Thành viên Công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các quy định có liên quan khác.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

Hội đồng Thành viên của Công ty chưa đưa ra các quyết định liên quan đến số dư của quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

(m) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu và thu nhập khác được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế và doanh thu và thu nhập khác có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Phí quản lý quỹ và danh mục đầu tư, phí quản trị danh mục đầu tư và phí hỗ trợ phân bổ tài sản được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ (nhà đầu tư), công ty mẹ cấp cao nhất của nhà đầu tư này và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này. Các bên liên quan cũng bao gồm các quỹ do Công ty quản lý.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

(r) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư 125 không được phản ánh trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(s) Báo cáo bộ phận

Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh là quản lý đầu tư và hoạt động trên một vùng địa lý là Việt Nam.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng các số liệu tương ứng. Theo phương pháp này, thông tin so sánh cho năm trước được bao gồm như một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính năm hiện tại và chỉ nhằm mục đích đọc liên quan đến các số liệu và các thuyết minh khác liên quan đến năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc lưu chuyển tiền tệ của năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	31/12/2021
	VND'000	VND'000
Tiền gửi ngân hàng		
▪ Deutsche Bank AG – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	9.500.736	6.342.224
▪ Ngân hàng TNHH một thành viên (“MTV”) HSBC (Việt Nam)	1.482.231	544.122
	10.982.967	6.886.346
Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng		
▪ Ngân hàng MUFG, Chi nhánh Thành phố Hà Nội	20.000.000	20.000.000
▪ Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)	20.000.000	10.000.000
▪ Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	20.000.000	-
▪ Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)	5.000.000	-
▪ Deutsche Bank AG – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	5.000.000
	65.000.000	35.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ	75.982.967	41.886.346

Các khoản tương đương tiền của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có lãi suất năm dao động từ 3,80% đến 6,00% (31/12/2021: từ 0,88% đến 2,54%) đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng VND. Trong trường hợp Công ty rút tiền gửi trước ngày đáo hạn, các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được hưởng lãi suất theo chính sách của ngân hàng áp dụng cho trường hợp rút trước ngày đáo hạn.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

5. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2022	31/12/2021
	VND'000	VND'000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
▪ Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)	125.000.000	45.000.000
▪ Ngân hàng MUFG, Chi nhánh Thành phố Hà Nội	80.000.000	20.000.000
▪ Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)	35.000.000	20.000.000
▪ Deutsche Bank AG – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	70.000.000
	240.000.000	155.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn bằng VND với thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng lãi suất năm từ 5,00% đến 8,35% (31/12/2021: 1,12% đến 3,50%).

6. Các khoản phải thu ngắn hạn

(a) Các khoản phải thu từ hoạt động quản lý quỹ

	31/12/2022	31/12/2021
	VND'000	VND'000
Phải thu công ty mẹ	59.460.112	61.326.644
Phải thu các công ty liên quan khác	290.230	270.000
	59.750.342	61.596.644

Các khoản phải thu từ công ty mẹ và các công ty liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

(b) Các khoản phải thu khác

	31/12/2022	31/12/2021
	VND'000	VND'000
Lãi dự thu	3.877.445	1.119.421
Đặt cọc tiền thuê	45.000	45.001
Phải thu từ người lao động	35.000	9.000
Phải thu khác	1.648.240	36.957
	5.605.685	1.210.379

Bao gồm trong khoản phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là các khoản phải thu đã quá hạn có giá trị ghi sổ là 30 triệu VND (31/12/2021: 30 triệu VND).

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

7. Tài sản cố định hữu hình

2022	Chi phí nâng cấp VND'000	Thiết bị văn phòng VND'000	Tổng VND'000
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.858.849	3.397.440	5.256.289
Tăng trong năm	1.551.403	70.290	1.621.693
Thanh lý	-	(862.590)	(862.590)
Số dư cuối năm	3.410.252	2.605.140	6.015.392
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.779.995	3.213.471	4.993.466
Khấu hao trong năm	258.567	190.072	448.639
Thanh lý	-	(862.590)	(862.590)
Số dư cuối năm	2.038.562	2.540.953	4.579.515
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	78.854	183.969	262.823
Số dư cuối năm	1.371.690	64.187	1.435.877
2021			
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.858.849	3.237.380	5.096.229
Tăng trong năm	-	160.060	160.060
Số dư cuối năm	1.858.849	3.397.440	5.256.289
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.692.759	2.877.655	4.570.414
Khấu hao trong năm	87.236	335.816	423.052
Số dư cuối năm	1.779.995	3.213.471	4.993.466
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	166.090	359.725	525.815
Số dư cuối năm	78.854	183.969	262.823

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá là 4.173 triệu VND (31/12/2021: 4.553 triệu VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

8. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	
	2022 VND'000	2021 VND'000
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	982.797	982.797
Thanh lý	(851.296)	-
Số dư cuối năm	131.501	982.797
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	982.797	982.797
Thanh lý trong năm	(851.296)	-
Số dư cuối năm	131.501	982.797
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm/số dư cuối năm	-	-

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá là 132 triệu VND (31/12/2021: 983 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

9. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2022 VND'000	31/12/2021 VND'000
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
▪ Chi phí phải trả	2.678.471	2.443.198
▪ Các khoản thưởng dài hạn cho nhân viên	758.487	731.374
▪ Dự phòng trợ cấp thôi việc	258.815	249.873
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	3.695.773	3.424.445

10. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2022 VND'000	31/12/2021 VND'000
Đặt cọc thuê văn phòng	1.238.356	1.181.565

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND'000	Số phát sinh trong năm VND'000	Số đã nộp trong năm VND'000	31/12/2022 VND'000
Thuế thu nhập cá nhân	363.563	13.831.216	(13.804.413)	390.366
Thuế nhà thầu	738.779	1.811.292	(1.464.003)	1.086.068
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.203.328	31.292.270	(32.333.546)	6.162.052
	8.305.670	46.934.778	(47.601.962)	7.638.486

12. Chi phí phải trả

	31/12/2022 VND'000	31/12/2021 VND'000
Các khoản tiền thưởng	22.482.739	19.759.313
Chi phí hoạt động	8.611.156	8.550.635
Các khoản thưởng dài hạn cho nhân viên đến hạn trả trong 12 tháng (Thuyết minh 15)	4.292.004	5.483.431
Các khoản khác	2.524.694	2.351.521
	37.910.593	36.144.900

13. Phải trả ngắn hạn khác

Phải trả ngắn hạn khác chủ yếu bao gồm các khoản chi phí phải trả liên quan đến dịch vụ công nghệ thông tin và hành chính văn phòng cho các công ty liên quan, chi tiết như sau:

	31/12/2022 VND'000	31/12/2021 VND'000
Phải trả cho công ty mẹ – Phí thương mại	296.254	5.014.028
Phải trả các công ty liên quan khác – Phí thương mại	12.025.108	7.293.291
Phải trả bên thứ ba – Phí thương mại	433.853	433.854
	12.755.215	12.741.173

Các khoản phải trả phi thương mại đối với công ty mẹ và các công ty liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

14. Dự phòng trợ cấp thôi việc

	2022 VND'000	2021 VND'000
Số dư đầu năm	1.249.363	1.180.183
Dự phòng trích lập trong năm	60.112	69.180
Dự phòng sử dụng trong năm	(15.401)	-
Số dư cuối năm	1.294.074	1.249.363

15. Dự phòng phải trả dài hạn

	31/12/2022 VND'000	31/12/2021 VND'000
Các khoản thưởng dài hạn cho nhân viên (i)	3.409.287	3.656.871
Thưởng khác	383.149	194.326
Tổng cộng	3.792.436	3.851.197

(i) Biến động của khoản thưởng dài hạn cho nhân viên trong năm như sau:

	2022 VND'000	2021 VND'000
Số dư đầu năm	3.656.871	3.897.600
Dự phòng trích lập trong năm	4.044.420	5.242.702
Chuyển sang các khoản thưởng dài hạn cho nhân viên đến hạn trả trong 12 tháng (Thuyết minh 12)	(4.292.004)	(5.483.431)
Số dư cuối năm	3.409.287	3.656.871

16. Vốn góp

Vốn điều lệ được duyệt của Công ty đã được góp đủ bởi công ty mẹ, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam, là công ty được thành lập tại Việt Nam.

Công ty mẹ cấp cao nhất, Prudential plc, được thành lập tại Anh Quốc.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

17. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác

Chi tiết tiền và các khoản tương đương tiền giữ hộ nhà đầu tư ủy thác trong nước và quỹ đầu tư dưới sự quản lý của Công ty như sau:

	31/12/2022	31/12/2021
	VND'000	VND'000
Quỹ Nhân thọ	2.516.387.907	5.848.930.520
Tiền gửi ngân hàng	1.168.952.909	1.430.268.402
Các khoản tương đương tiền (*)	1.347.434.998	4.418.662.118
Quỹ Liên kết Đầu tư	1.288.820.982	1.190.904.650
Tiền gửi ngân hàng	505.946.438	562.737.080
Các khoản tương đương tiền (*)	782.874.544	628.167.570
Quỹ Chủ sở hữu	8.259.469	1.012.834.791
Tiền gửi ngân hàng	8.259.469	577.731.015
Các khoản tương đương tiền (*)	-	435.103.776
Quỹ Toàn cầu	194.807.303	532.586.260
Tiền gửi ngân hàng	159.207.303	180.252.035
Các khoản tương đương tiền (*)	35.600.000	352.334.225
Quỹ Hưu trí	62.300.199	10.213.132
Tiền gửi ngân hàng	45.228.390	10.213.132
Các khoản tương đương tiền (*)	17.071.809	-
Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam	15.234.111	22.204.489
Tiền gửi ngân hàng	15.234.111	11.084.088
Các khoản tương đương tiền (*)	-	11.120.401
	4.085.809.971	8.617.673.842

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

18. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác trong nước và một quỹ đầu tư dưới sự quản lý của Công ty bao gồm: \

	31/12/2022		31/12/2021		Giá thị trường VND'000
	Số lượng	Giá gốc VND'000	Số lượng	Giá gốc VND'000	
Quỹ Nhân thọ					
Chứng khoán vốn niêm yết	-	-	5.237.722	197.381.550	296.701.830
Chứng khoán nợ niêm yết	535.126.653	61.833.491.337	501.934.153	58.452.023.429	76.359.892.732
Chứng khoán nợ chưa niêm yết	8.812.120	13.832.811.523	3.412.380	12.877.811.523	Không xác định
Tiền gửi có kỳ hạn	Không áp dụng	25.211.195.425	Không áp dụng	19.458.723.502	Không xác định
Quỹ Liên kết Đầu tư					
Chứng khoán vốn niêm yết	272.682.286	11.493.321.091	185.751.585	7.413.688.119	10.342.326.048
Chứng khoán nợ niêm yết	3.440.000	386.371.442	4.440.000	518.975.335	540.617.332
Chứng khoán nợ chưa niêm yết	27.220	67.000.000	27.420	87.000.000	Không xác định
Tiền gửi có kỳ hạn	Không áp dụng	619.191.891	Không áp dụng	409.136.385	Không xác định
Quỹ Chủ sở hữu					
Tiền gửi có kỳ hạn	Không áp dụng	16.715.525.297	Không áp dụng	11.994.953.922	Không xác định
Quỹ Toàn cầu					
Chứng khoán nợ niêm yết	26.180.000	2.722.901.796	22.312.500	2.316.473.838	2.994.161.913
Chứng khoán nợ chưa niêm yết	825.316	1.541.500.000	225.626	1.341.500.000	Không xác định
Tiền gửi có kỳ hạn	Không áp dụng	2.473.177.871	Không áp dụng	1.558.142.246	Không xác định
Quỹ Hưu trí					
Chứng khoán nợ niêm yết	1.885.000	194.303.894	1.585.000	161.841.065	Không xác định
Tiền gửi có kỳ hạn	Không áp dụng	8.443.788	Không áp dụng	84.181.160	Không xác định
Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam					
Chứng khoán vốn niêm yết	1.612.273	75.466.808	2.526.428	85.376.865	126.814.686
Chứng khoán nợ niêm yết	50	5.000.000	100	10.000.000	Không xác định
Tiền gửi có kỳ hạn	Không áp dụng	84.943.604	Không áp dụng	59.922.471	Không xác định
		<u>137.264.645.767</u>		<u>117.027.131.410</u>	

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

Mệnh giá của các chứng khoán nợ chưa niêm yết, tiền gửi có kỳ hạn như sau:

	31/12/2022	31/12/2021
	VND'000	VND'000
Danh mục do nhà đầu tư đứng tên		
▪ Chứng khoán nợ chưa niêm yết	15.640.615.417	14.316.000.000
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	45.112.477.876	39.410.447.774
	60.753.093.293	53.726.447.774

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các chứng khoán chưa niêm yết nắm giữ hộ nhà đầu tư ủy thác để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có thông tin về giá thị trường của các chứng khoán này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Thông tư 125 hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

19. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2022	31/12/2021
	VND'000	VND'000
Lãi phải thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	1.340.984.483	2.094.243.313
Lãi phải thu từ chứng khoán nợ	2.216.313.918	2.425.836.234
Các khoản phải thu khác	501.535.951	17.567.990
	4.058.834.352	4.537.647.537

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

20. Doanh thu thuần

Doanh thu thuần thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2022	2021
	VND'000	VND'000
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ và danh mục đầu tư (i)	208.395.389	199.454.601
Doanh thu hoạt động giải pháp đầu tư và phân bổ tài sản (ii)	29.671.073	28.307.264
Doanh thu hoạt động quản trị quỹ(iii)	14.960.443	14.031.126
Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư	117.131	-
	253.144.036	241.792.991

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty quản lý năm (05) danh mục đầu tư chứng khoán và một (01) quỹ đầu tư với tổng giá trị tài sản ròng là 145.409 tỷ VND (31/12/2021: 151.214 tỷ VND).

Công ty quản lý danh mục đầu tư cho Quỹ Nhân thọ, Quỹ Chủ sở hữu, Quỹ Liên kết Đầu tư, Quỹ Toàn cầu và Quỹ Hưu trí của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam (công ty mẹ) theo hợp đồng quản lý đầu tư có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2008. Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phí quản lý danh mục đầu tư nhận được từ các dịch vụ cung cấp cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam là 205.327 triệu VND (2021: 196.502 triệu VND).

Công ty cũng quản lý Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam, một quỹ mở được thành lập tại nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam theo Giấy chứng nhận thành lập quỹ số 09/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 25 tháng 3 năm 2014. Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phí quản lý nhận được từ các dịch vụ cung cấp cho Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam là 3.068 triệu VND (2021: 2.953 triệu VND).

- (ii) Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, doanh thu từ hoạt động hỗ trợ phân bổ tài sản cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam là 29.671 triệu VND (2021: 28.307 triệu VND).
- (iii) Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, doanh thu từ hoạt động quản trị quỹ cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam là 14.690 triệu VND (2021: 14.031 triệu VND).

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	2022	2021
	VND'000	VND'000
Lãi tiền gửi ngân hàng	8.573.364	2.593.076
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	245.055	377.853
	<hr/>	<hr/>
	8.818.419	2.970.929
	<hr/>	<hr/>

22. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2022	2021
	VND'000	VND'000
Chi phí nhân viên	55.115.628	50.158.087
Chi phí dịch vụ công nghệ thông tin	25.289.709	25.698.440
Chi phí tư vấn và dịch vụ vận hành khác	13.091.291	13.324.385
Chi phí thuê văn phòng	4.705.932	4.564.906
Chi phí khác	9.828.991	10.060.568
	<hr/>	<hr/>
	108.031.551	103.806.387
	<hr/>	<hr/>

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2022	2021
	VND'000	VND'000
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện tại	31.300.670	28.258.360
Dự phòng thừa trong những năm trước	(8.400)	-
	<hr/>	<hr/>
	31.292.270	28.258.360
	<hr/>	<hr/>
(Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(271.328)	398.418
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	31.020.942	28.656.778
	<hr/>	<hr/>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2022	2021
	VND'000	VND'000
Lợi nhuận kế toán trước thuế	153.064.657	140.924.917
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	30.612.931	28.184.983
Chi phí không được khấu trừ thuế	416.411	471.795
Dự phòng thừa trong những năm trước	(8.400)	-
	31.020.942	28.656.778

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành áp dụng cho Công ty là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải chịu sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế.

24. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(i) Cam kết thuế

Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2022	31/12/2021
	VND'000	VND'000
Trong vòng 1 năm	4.776.318	4.705.932
Trong vòng 2 đến 5 năm	12.192.989	2.363.130
	16.969.307	7.069.062

(ii) Ngoại tệ

	31/12/2022		31/12/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND'000	Nguyên tệ	Tương đương VND'000
USD	6.065,59	142.002	3.172,75	71.615

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

25. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Công ty có các giao dịch với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	2022	2021
			Thu nhập/(chi phí) VND'000	VND'000
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam	Công ty mẹ	Phí quản lý danh mục đầu tư	205.327.193	196.501.801
		Phí dịch vụ giải pháp đầu tu và phân bổ tài sản	29.671.073	28.307.264
		Phí dịch vụ quản trị quỹ	14.960.443	14.031.126
		Phí liên quan đến dịch vụ CNTT và vận hành	(5.208.897)	(5.918.598)
		Chi phí trả hộ cho Công ty	(600.174)	(408.063)
Prudential Corporation Holdings Ltd	Công ty liên quan	Chi phí trả hộ cho Công ty	(574.665)	(491.217)
		Phí dịch vụ hỗ trợ vận hành	(3.747.142)	(5.596.882)
Eastspring Investments (Singapore) Limited	Công ty liên quan	Phí liên quan đến dịch vụ CNTT và vận hành	(25.289.709)	(25.698.440)
		Chi phí trả hộ cho Công ty	90.961	88.706
		Phí tư vấn	117.131	-
Eastspring Investments Services Pte Ltd	Công ty liên quan	Phí dịch vụ	(2.152.036)	(971.096)
Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam	Quỹ do Công ty quản lý	Phí quản lý quỹ	3.068.196	2.952.800
Tổng Giám đốc và những người quản lý khác	Ban Quản lý	Lương, thưởng và phúc lợi khác	41.122.114	31.654.797

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

Số dư của Công ty với các công ty liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2022	31/12/2021
			Phải thu/(phải trả)	
			VND'000	VND'000
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam	Công ty mẹ	Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	48.824.561	50.265.011
		Phải thu phí dịch vụ hỗ trợ phân bổ tài sản	7.064.237	7.355.421
		Phải thu phí dịch vụ quản trị quỹ	3.571.314	3.706.212
		Phải trả phí CNTT	-	(4.035.589)
		Các khoản phải trả khác	(296.254)	(978.439)
Eastspring Investments (Singapore) Limited	Công ty liên quan	Phải trả phí hỗ trợ CNTT Phí tư vấn	(11.216.628) 50.230	(7.293.291)
Eastspring Investments Services Pte Ltd	Công ty liên quan	Phải trả phí dịch vụ hỗ trợ	(808.480)	-
Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam	Quỹ do Công ty quản lý	Phải thu phí quản lý quỹ	240.000	270.000

26. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đánh giá và quản lý rủi ro.

Hội đồng Thành viên của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra việc Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Công ty, rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản phải thu.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức rủi ro tín dụng tối đa tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Thuyết minh	31/12/2022 VND'000	31/12/2021 VND'000
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	75.982.967	41.886.346
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(i)	240.000.000	155.000.000
Các khoản phải thu - gộp	(ii)	66.594.383	63.988.588
		382.577.350	260.874.934

(i) Tiền và các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền và các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu chủ yếu bao gồm phí quản lý phải thu. Rủi ro tín dụng liên quan đến phí quản lý phải thu được đánh giá là không đáng kể vì đây là các khoản phải thu từ các bên liên quan và các quỹ dưới sự quản lý của Công ty mà các bên liên quan và các quỹ này có lịch sử trả nợ tốt.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi số VND'000	Dòng tiền theo hợp đồng chưa chiết khấu VND'000	Trong vòng 1 tháng VND'000	Từ 1 đến 3 tháng VND'000
Ngày 31 tháng 12 năm 2022				
Phải trả người bán	358.859	358.859	358.859	-
Chi phí phải trả	11.135.850	11.135.850	-	11.135.850
Phải trả ngắn hạn khác	12.755.215	12.755.215	12.755.215	-
	24.249.924	24.249.924	13.114.074	11.135.850
Ngày 31 tháng 12 năm 2021				
Phải trả người bán	29.571	29.571	29.571	-
Chi phí phải trả	10.902.156	10.902.156	-	10.902.156
Phải trả ngắn hạn khác	12.741.173	12.741.173	12.741.173	-
	23.672.900	23.672.900	12.770.744	10.902.156

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính thay đổi do biến động tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không chịu ảnh hưởng trọng yếu bởi rủi ro tỷ giá hối đoái do các tài sản và nợ phải trả của Công ty chủ yếu có gốc tiền tệ là Đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty chịu ảnh hưởng không đáng kể bởi rủi ro lãi suất do Công ty nắm giữ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn cố định.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2022 VND'000	31/12/2021 VND'000
<i>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</i>		
Các khoản tương đương tiền	65.000.000	35.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	240.000.000	155.000.000
<i>Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi</i>		
Tiền gửi ngân hàng	10.982.967	6.886.346

Mỗi thay đổi 300 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm lợi nhuận thuần của Công ty là 264 triệu VND (31/12/2021: mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản làm tăng hoặc giảm lợi nhuận thuần của Công ty là 55 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

(iii) Rủi ro thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ suy giảm do biến động của chỉ số giá cổ phiếu và giá trị của các chứng khoán đơn lẻ. Công ty không chịu rủi ro giá thị trường do Công ty không nắm giữ cổ phiếu nào tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với giá trị ghi sổ được trình bày tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, như sau:

	31/12/2022		31/12/2021	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
<i>Tài sản tài chính được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	75.982.967	75.982.967	41.886.346	41.886.346
▪ Các khoản phải thu – giá trị thuần	66.564.383	(*)	63.958.588	(*)
<i>Tài sản tài chính được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:</i>				
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	240.000.000	(*)	155.000.000	(*)
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
▪ Phải trả người bán	358.859	(*)	29.571	(*)
▪ Chi phí phải trả	11.135.850	(*)	10.902.156	(*)
▪ Phải trả ngắn hạn khác	12.755.215	(*)	12.741.173	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính này bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường của các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 125 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Lê Minh Thủy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ngô Thế Triệu
Tổng Giám đốc